

(Học sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên học sinh:..... Lớp: .....

Chọn 1 đáp án đúng nhất

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đ.án															
Câu	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đ.án															

**Câu 1:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch nào sau đây *không* phải là trung tâm quốc gia?

- A. Huế.                      B. Đà Nẵng.                      C. TP. Hồ Chí Minh.                      D. Cần Thơ.

**Câu 2:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi để Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển đánh bắt hải sản là

- A. ven biển có nhiều bãi tắm đẹp.  
B. đường bờ biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh.  
C. hệ thống sông ngòi khá dày đặc, nhiều tôm cá.  
D. bờ biển dài, có nhiều bãi tôm, bãi cá.

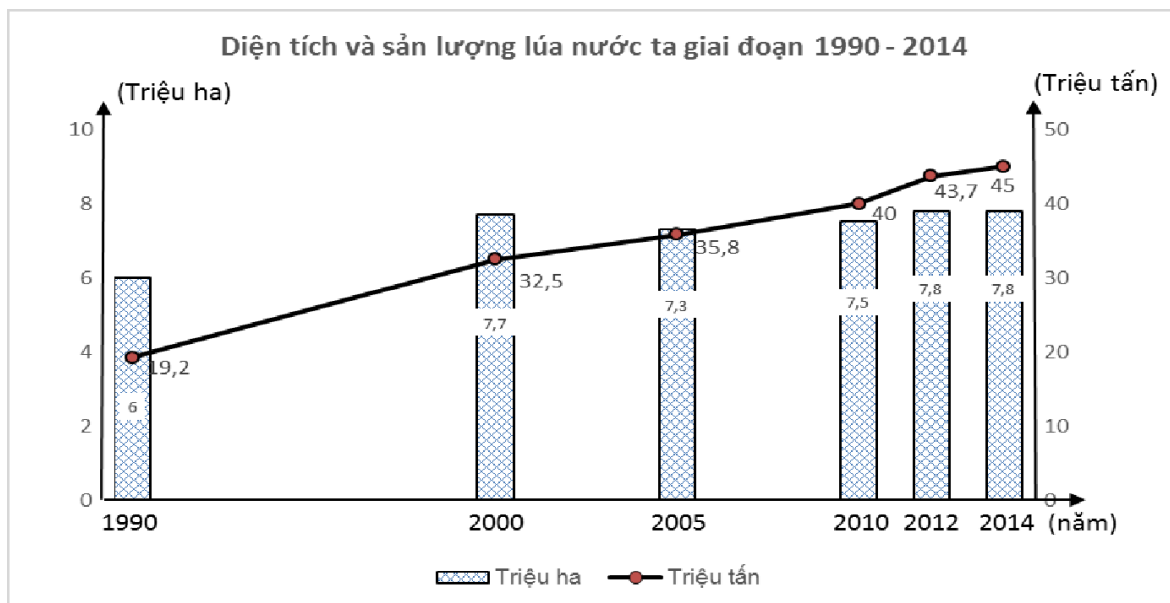
**Câu 3:** Tỉnh nào sau đây không thuộc Tây Bắc?

- A. Lai Châu.                      B. Sơn La.                      C. Điện Biên.                      D. Lào Cai.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết Bắc Trung Bộ có các cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

- A. Na Mèo, Nậm Cắn.                      B. A Đớt, Cầu Treo.  
C. Cầu Treo, Cha Lo.                      D. Cha Lo, Lao Bảo.

**Câu 5:** Cho biểu đồ dưới đây:



Năng suất lúa nước ta năm 2014 là:

- A. 32 tạ/ha.                      B. 57 tạ/ha.                      C. 78 tạ/ha.                      D. 45 tạ/ha.

**Câu 6:** Thế mạnh quan trọng nhất của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. khoáng sản.                      B. rừng.                      C. biển.                      D. đất phù sa.

**Câu 7:** Thế mạnh nào sau đây không phải của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Phát triển kinh tế biển và du lịch.  
B. Khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện.  
C. Trồng cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới.  
D. Phát triển chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lợn.

**Câu 8:** Vùng đồi trước núi ở Bắc Trung Bộ có các thế mạnh nào sau đây?

- A. Trồng cây công nghiệp hàng năm, chăn nuôi đại gia súc.  
B. Chăn nuôi gia súc, trồng cây công nghiệp lâu năm.  
C. Chăn nuôi đại gia súc, trồng cây lương thực, hoa màu.  
D. Trồng cây công nghiệp lâu năm và cây công nghiệp hàng năm.

**Câu 9:** Dựa vào trang 4 và trang 28 Atlas Địa lí Việt Nam hãy cho biết trong các tỉnh sau của Tây Nguyên, tỉnh nào vừa tiếp giáp Lào vừa tiếp giáp Campuchia?

- A. Gia Lai.                      B. Kon Tum.                      C. Đắk Lắk.                      D. Đắk Nông.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Đồng bằng sông Hồng có giá trị sản xuất công nghiệp từ 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Hải Phòng.                      B. Phúc Yên.                      C. Hà Nội.                      D. Bắc Ninh.

**Câu 11:** Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về ý nghĩa của việc bảo vệ và phát triển vốn rừng ở Bắc Trung Bộ?

1. Giúp bảo vệ môi trường sống của động vật hoang dã.
2. Giữ gìn nguồn gem của các loài động vật, thực vật quý hiếm.
3. Điều hòa nguồn nước, hạn chế tác hại của lũ đột ngột.
4. Chấn gió, bão; ngăn cát bay, cát chảy lấn đồng ruộng, làng mạc.

- A. 4.                      B. 3.                      C. 1.                      D. 2.

**Câu 12:** Cho bảng số liệu:

Diện tích cây công nghiệp nước ta giai đoạn 2005 – 2015

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2005	2010	2012	2015
Tổng diện tích	2495,1	2808,1	2952,7	2827,3
Cây hàng năm	861,5	797,6	729,9	676,8
Cây lâu năm	1633,6	2010,5	2222,8	2150,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản thống kê, 2016)

Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện diện tích cây công nghiệp nước ta qua các năm theo bảng số liệu trên?

- A. Cột.                      B. Đường.                      C. Tròn.                      D. Miền.

**Câu 13:** Phát biểu nào sau đây đúng về định hướng chuyển dịch cơ cấu trong ngành trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Giảm tỉ trọng cây thực phẩm, tăng cây lương thực.  
B. Giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng cây thực phẩm.  
C. Tăng tỉ trọng cây lương thực, tăng cây công nghiệp.  
D. Giảm tỉ trọng cây công nghiệp, giảm cây lương thực.

**Câu 14:** Các mỏ dầu khí của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ được khai thác ở

- A. đảo Côn Cỏ.                      B. Côn Đảo.                      C. đảo Phú Quý.                      D. Hòn Tre.

**Câu 15:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Diện tích lớn nhất nước ta.                      B. Có 15 tỉnh.  
C. Số dân lớn nhất nước ta.                      D. Gồm hai vùng Tây Bắc và Đông Bắc.

**Câu 16:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất về khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là có

- A. các ngư trường trọng điểm.                      B. nhiều vịnh biển, cửa sông.

C. vùng biển diện tích rộng.

D. nhiều bãi triều, đầm phá.

**Câu 17:** Cho bảng số liệu:

Diện tích cây công nghiệp nước ta giai đoạn 2005 – 2015

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2005	2010	2012	2015
Tổng diện tích	2495,1	2808,1	2952,7	2827,3
Cây hàng năm	861,5	797,6	729,9	676,8
Cây lâu năm	1633,6	2010,5	2222,8	2150,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây *không* đúng với diện tích cây công nghiệp nước ta giai đoạn 2005 – 2015 theo bảng số liệu trên?

- A. Diện tích cây hàng năm luôn nhỏ nhất.
- B. Diện tích cây lâu năm lớn hơn cây hàng năm.
- C. Diện tích cây lâu năm tăng liên tục.
- D. Diện tích cây hàng năm giảm liên tục.

**Câu 18:** Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong phát triển ngư nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ là:

- A. hạn chế việc nuôi trồng để bảo vệ môi trường ven biển.
- B. ngưng hẳn việc khai thác ven bờ, đầu tư cho đánh bắt xa bờ.
- C. giảm việc khai thác để duy trì trữ lượng thủy sản.
- D. khai thác hợp lý đi đôi với bảo vệ nguồn lợi hải sản.

**Câu 19:** Đất ở các đồng bằng Bắc Trung bộ thuận lợi cho phát triển

- A. cây công nghiệp lâu năm.
- B. cây lúa nước.
- C. các loại cây rau đậu.
- D. cây công nghiệp hàng năm.

**Câu 20:** Tài nguyên nước của Đồng bằng sông Hồng phong phú bao gồm:

- A. nước mặt, nước nóng, nước khoáng, nước sông Hồng.
- B. nước mặt, nước ngầm, nước nóng, nước khoáng.
- C. nước của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.
- D. nước mặt và nguồn nước ngầm tương đối dồi dào.

**Câu 21:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23 kết hợp với trang 17, hãy cho biết Quốc lộ 1 không đi qua vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 22:** Giải pháp quan trọng nhất để tránh rủi ro trong việc mở rộng các vùng sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. tìm thị trường sản xuất ổn định.
- B. đẩy mạnh khâu chế biến sản xuất.
- C. đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.
- D. quy hoạch lại vùng chuyên canh.

**Câu 23:** Khó khăn chủ yếu về tự nhiên ở Tây Nguyên là

- A. Bão và trượt lở đất đá.
- B. Mùa đông lạnh và khô
- C. Mùa khô kéo dài.
- D. Hạn hán và thời tiết thất thường

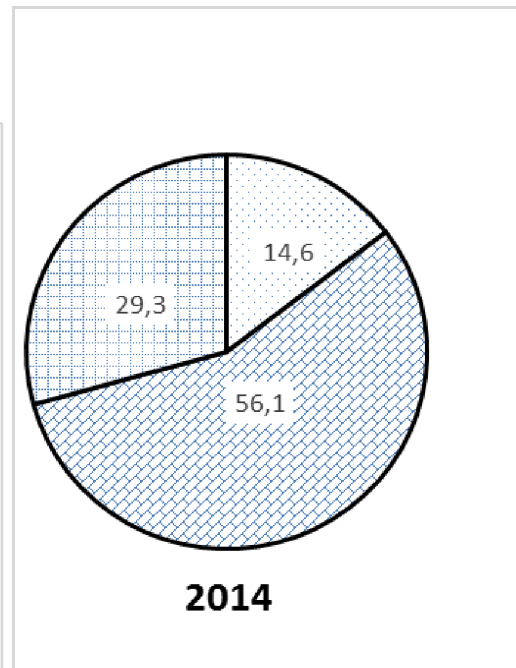
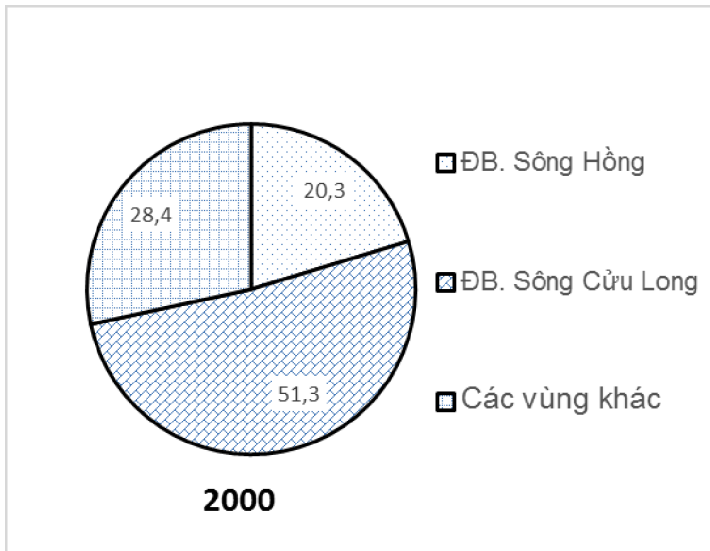
**Câu 24:** Ở Tây Nguyên có diện tích trồng cà phê lớn nhất là tỉnh:

- A. Đắk Lắk .
- B. Gia Lai.
- C. Kon Tum.
- D. Lâm Đồng.

**Câu 25:** Ý nghĩa nào sau đây **không** phải từ việc xây dựng các công trình thủy điện ở Tây Nguyên:

- A. Khai thác các hồ thủy điện cho mục đích du lịch, nuôi trồng thủy sản
- B. Tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp của vùng phát triển
- C. Ngăn được lũ của sông
- D. Nguồn nước tưới quan trọng cho mùa khô từ hồ thủy điện

**Câu 26:** Cho biểu đồ dưới đây:



Cơ cấu sản lượng lúa cả năm phân theo vùng của nước ta giai đoạn 2000 - 2014 (Đơn vị : %)

Theo biểu đồ trên thì nhận định nào sau đây là đúng ?

- A. Sản lượng lúa của Đồng bằng Sông Hồng có tỉ trọng luôn cao hơn các vùng khác.
- B. Sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long có tỉ trọng cao nhất và tăng lên.
- C. Sản lượng lúa của Đồng bằng Sông Hồng có tỉ trọng tăng.
- D. Sản lượng lúa của Đồng bằng Sông Hồng có tỉ trọng thấp nhưng có xu hướng tăng.

**Câu 27:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân cư và lao động của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Dồi dào, có truyền thống và kinh nghiệm sản xuất phong phú.
- B. Có kinh nghiệm và truyền thống sản xuất hàng hóa.
- C. Đội ngũ có trình độ cao tập trung phần lớn ở các đô thị.
- D. Chất lượng đứng hàng đầu cả nước.

**Câu 28:** Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA**

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Đường sắt	Đường ô tô	Đường sông	Đường biển	Đường hàng không
2000	6258	141139	43015	15553	45
2005	8838	212263	62984	33118	105

Nhận xét nào sau đây là đúng nhất từ bảng số liệu trên?

- A. Đường biển là ngành có tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển cao thứ ba và có tốc độ tăng nhanh nhất.
- B. Đường sông là ngành có tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển lớn thứ hai nhưng là ngành tăng chậm nhất.
- C. Đường ô tô có tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển cao nhất và tăng nhanh nhất.
- D. Đường hàng không có tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển thấp nhất nhưng lại tăng nhanh nhất.

**Câu 29:** Tỉnh nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có biên giới chung với cả Lào và Trung Quốc?

- A. Điện Biên.
- B. Lạng Sơn.
- C. Lào Cai.
- D. Lai Châu.

**Câu 30:** Loại khoáng sản có giá trị hơn cả ở Đồng bằng sông Hồng là:

- A. than đá và sét cao lanh.
- B. sét cao lanh và dầu mỏ.
- C. đá vôi và sét cao lanh.
- D. đá vôi và than đá.

----- HẾT -----